

Biểu mẫu 01

PHÒNG GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON 8

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2022-2023
Tháng 6 năm 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành - Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 50-55%/calo/ngày.	- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành - Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 50-55%/calo/ngày. - Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) so với đầu năm học: + SDD thể nhẹ cân và thấp còi ở mức dưới 1% - Đảm bảo trẻ dư cân – béo phì có chế độ dinh dưỡng hợp lý
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thông tư 51/2020/TT/BGD-ĐT ngày 31/12/2020.	Thông tư 51/2020/TT/BGD-ĐT ngày 31/12/2020.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<i>Thể chất:</i> - 95% trẻ thực hiện được vận động cơ bản và một số tổ chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay – mắt, phối hợp tay – chân - cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp. <i>Tình cảm xã hội:</i> - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi	<i>Thể chất:</i> - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt <i>Tình cảm xã hội:</i> - Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con

		- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc <i>Nhận thức:</i> - Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật gần gũi quen thuộc <i>Ngôn ngữ:</i> - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói - Hồn nhiên trong giao tiếp	người, sự vật, hiện tượng xung quanh - Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ <i>Nhận thức:</i> - Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh - Có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán - Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ - Có một số khái niệm sơ đẳng về toán <i>Ngôn ngữ:</i> - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết <i>Thẩm mỹ:</i> - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình
--	--	---	--

			- Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	-Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, lễ hội mừng xuân, ...	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, lễ hội mừng xuân, - Các lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, vẽ

Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Thị Mai Xinh

Biểu mẫu 02

PHÒNG GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON 8

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, cuối năm
năm học 2022-2023
Tháng 6 năm 2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	163		03	21	39	39	61
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	163		03	21	39	39	61
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	163		03	21	39	39	61
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	163		03	21	39	39	61
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	163		03	21	39	39	61
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường			03	21	39	39	59
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân			00	00	00	00	00
3	Số trẻ có chiều cao bình thường			03	21	39	39	61
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi			00	00	00	00	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì			00	00	00	00	02
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	163		03	21	39	39	61

1	Chương trình giáo dục nhà trẻ			03	21			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					39	39	61

Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị



Vũ Thị Mai Xinh

Biểu mẫu 03

PHÒNG GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON 8

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, cuối năm
 năm học 2022-2023**

Tháng 6 năm 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	09	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	09	10 m ² /trẻ em
1	Phòng học kiên cố	09	10 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhỏ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	925.4 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	619 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	53 m ² /1 lớp	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	14 m ² /1 lớp	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	17.6 m ² /1 lớp	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	53 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	113 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	09	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	13/9
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	05	05/9
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	05	05/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	15	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

1	Ti vi	07	7/9
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	07	7/9
3	Máy photo	01	
4	Đầu Video/đầu đĩa	07	
6	Bàn ghế đúng quy cách	204	
7	Thiết bị khác (kệ đồ chơi, kệ cặp dép....)	49	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	17		98		0.6 m ² /trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Thị Mai Xinh

Biểu mẫu 04

PHÒNG GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON 8

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
 của cơ sở giáo dục mầm non cuối năm năm học 2022-2023**

Tháng 6 năm 2023

Tháng 6 năm 2023															
STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên	14			10	04				10	03	14			
1	Nhà trẻ	3			02	01				02	01				
2	Mẫu giáo	11			8	03			01	08	02				
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng			01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng				02					01	01	02			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư						01								

2	Nhân viên kế toán					01									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế					01									
5	Nhân viên khác						06								

Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị


Vũ Thị Mai Xinh